| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH QUẢNG NGÃI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 269 /BC-UBND | *Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 11 năm 2014* |

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 7648
Ngày: 17/11/14
Chuyển:

# BÁO CÁO
## Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2014 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính *(sau đây gọi tắt là Nghị định 81/2013/NĐ-CP)* và Công văn số 4212/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 06/10/2014 của Bộ Tư pháp về việc báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT XLVPHC VÀ CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH LUẬT

#### 1. Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành

Thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và các quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối với các ngành, lĩnh vực đi vào cuộc sống, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện và Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 25/10/2013 về việc tuyên truyền Nghị định số 79/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

#### 2. Công tác phổ biến, tập huấn nghiệp vụ

- *Đối với cấp tỉnh:* UBND tỉnh đã tổ chức hội nghị tập huấn Luật Xử lý vi phạm hành chính cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và tổ chức tập huấn chuyên sâu những quy định của pháp luật quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; đồng thời, các cơ quan truyền thông ở địa phương đã tổ chức nhiều chuyên mục, bài viết để tuyên truyền các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; thực hiện giải đáp những thắc mắc của người dân về trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; ngoài ra, đã cử một số cán bộ, công chức của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tham gia lớp tập huấn về pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

- *Đối với các huyện, thành phố*: UBND các huyện, thành phố đã ban hành kế hoạch để thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng và thiết thực như thông qua hội nghị tập huấn; tờ rơi, áp phích; tủ sách pháp luật; hệ thống Đài truyền thanh cơ sở...nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân đối với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và các quy định về xử lý vi phạm hành chính theo ngành, lĩnh vực.

**3. Công tác kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương trong tỉnh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền để tiến hành kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý. Năm 2013, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp thực hiện kiểm tra công tác triển khai và xử lý vi phạm hành chính tại UBND huyện Tư Nghĩa.

**4. Các điều kiện đảm bảo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

Ngày 25/10/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1950/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan tư pháp địa phương". Tuy nhiên, hiện nay tỉnh Quảng Ngãi chưa thực hiện việc củng cố, kiện toàn về tổ chức, sắp xếp đội ngũ công chức, bổ sung biên chế để triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại Sở Tư pháp và Phòng Tư pháp theo nội dung Đề án; đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính chủ yếu là kiêm nhiệm.

Nguồn kinh phí phục vụ công tác xử lý vi phạm hành chính đã được bố trí nhưng chưa đáp ứng kịp thời nên công tác tổ chức điều tra, xác minh, xử lý các vụ vi phạm còn gặp nhiều khó khăn, cơ sở vật chất và các trang thiết bị còn thiếu và lạc hậu.

**II. TÌNH HÌNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

**1. Tình hình vi phạm hành chính**

- Tình hình vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh xảy ra trên nhiều lĩnh vực như: tiêu chuẩn đo lường chất lượng; giao thông thủy nội địa; lao động; bảo hiểm xã hội; kinh doanh xăng dầu; thủy sản; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; thi hành án dân sự; giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; hải quan; khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, phòng chống lụt bão; an

ninh trật tự, phòng chống tệ nạn xã hội; quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; giao thông đường bộ; an toàn vệ sinh thực phẩm; y tế; sở hữu công nghiệp ...Trong đó, phần lớn vi phạm hành chính tập trung vào các lĩnh vực:

+ Lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội 68.167 vụ, với các hành vi vi phạm như: đánh nhau; say rượu, bia gây mất trật tự công cộng; trộm cắp tài sản; tàng trữ, cất giấu trong người, đồ vật, phương tiện giao thông các loại dao, búa, các loại công cụ, phương tiện khác thường dùng trong lao động, sinh hoạt hàng ngày nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác; cơ sở kinh doanh lưu trú không thực hiện việc thông báo lưu trú với cơ quan công an theo quy định khi có người đến lưu trú; không thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý an ninh, trật tự đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện...

+ Lĩnh vực giao thông đường bộ: 13.774 vụ, với các hành vi vi phạm phổ biến như: vi phạm các quy tắc giao thông; dừng, đỗ xe sai quy định; vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện tham gia giao thông đường bộ; vi phạm quy định về vận tải đường bộ, chở hàng vượt tải trọng, kích thước thiết kế; vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông...

+ Lĩnh vực thuế: 1.087 vụ, với các hành vi vi phạm như: vi phạm thủ tục thuế; trốn thuế, gian lận thuế ...

+ Lĩnh vực lâm sản, thủy sản 279 vụ, với các hành vi như: Vi phạm các quy định của Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy rừng gây cháy rừng; vận chuyển lâm sản trái pháp luật; mua, bán, cất giữ, chế biến, kinh doanh lâm sản trái với các quy định của Nhà nước; vi phạm thủ tục hành chính trong quản lý rừng, sử dụng rừng; mua, bán, vận chuyển, chế biến, kinh doanh, cất giữ lâm sản; vi phạm các quy định về bảo vệ nguồn lợi thủy sản; vi phạm các quy định về khai thác thủy sản; vi phạm các quy định về thu gom, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản.

+ Lĩnh vực An toàn thực phẩm 154 vụ, với các hành vi như: vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn đối với sản phẩm thực phẩm; vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm; vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu, thực phẩm xuất khẩu; vi phạm quy định về thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm;...

+ Lĩnh vực sở hữu công nghiệp 189 vụ, với các hành vi như xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí; xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp; sản xuất, nhập khẩu, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ để bán hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý...

- Trong thời gian qua, được sự quan tâm của các cấp, các ngành, công tác xử lý vi phạm hành chính đã được triển khai và đạt nhiều kết quả, các vụ, việc vi phạm được phát hiện và xử lý kịp thời. Tuy nhiên, với diện tích tự nhiên lớn và số lượng dân số tăng nhanh, lực lượng làm công tác xử lý vi phạm hành chính chưa đảm bảo nên tình hình vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi vẫn còn diễn ra nhiều và tương đối phức tạp. Bên cạnh đó, vẫn còn không ít một số bộ phận người dân thiếu ý thức chấp hành các quy định của pháp luật hoặc có nhưng chưa thật sự nghiêm túc; mức độ hiểu biết pháp luật của các cá nhân, tổ chức chưa cao, một số trường hợp biết vi phạm nhưng cố tình thực hiện hành vi vì lợi ích kinh tế. Do vậy, tình hình vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh vẫn còn gia tăng.

**2. Kết quả công tác xử phạt vi phạm hành chính**

Trong thời gian từ ngày 01/10/2013 đến ngày 30/9/2014, tổng số vụ vi phạm hành chính bị phát hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là **85.414** vụ. Trong đó, đã ban hành 80.516 quyết định xử phạt, với 81.200 đối tượng (cá nhân là 79.380 và 1.820 tổ chức); hiện nay còn 5.279 vụ chưa ban hành quyết định xử phạt. Có 75.967 quyết định xử phạt đã được thi hành xong, với tổng số tiền phạt thu được là **93.677.220.000 đồng** *(chín mươi ba tỷ, sáu trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng)*, được phân chia thành các trường hợp như sau:

*a) Các cơ quan có thẩm quyền xử phạt* (*Mẫu số 01 kèm theo*):

- Chủ tịch UBND các cấp: tổng số vụ vi phạm hành chính bị phát hiện là 3.944; đã ban hành 3.821 quyết định xử phạt; thi hành xong 3.668 quyết định với tổng số tiền là 3.701.975.000 đồng;

- Công an: tổng số vụ vi phạm hành chính bị phát hiện là 77.579; đã ban hành 72.746 quyết định xử phạt; thi hành xong 68.677 quyết định với tổng số tiền thu được là: 34.143.911.000 đồng;

- Bộ đội biên phòng: số vụ vi phạm hành chính bị phát hiện là 95 vụ; đã ban hành 106 quyết định xử phạt; thi hành xong 106 quyết định, với tổng số tiền thu được là: 478.600.000 đồng;

- Hải quan: số vụ vi phạm hành chính bị phát hiện là 82 vụ; đã ban hành 82 quyết định xử phạt và thi hành xong với tổng số tiền thu được là: 746.652.000 đồng;

- Quản lý thị trường: có 621 vụ vi phạm hành chính bị phát hiện; đã ban hành 448 quyết định và đã thi hành xong tổng số tiền thu được là: 1.914.755.000 đồng;

- Thanh tra: có 1.879 vụ vi phạm hành bị phát hiện, ban hành 2.122 quyết định, đã thi hành xong: 1.998 quyết định tổng số tiền thu được là: 5.532.040.000 đồng;

- Thi hành án dân sự: có 2 vụ vi phạm hành chính bị phát hiện; đã ban hành 02 quyết định xử phạt, thi hành xong 01 quyết định, với tổng số tiền thu được là 500.000 đồng;

- Kiểm lâm: có 128 vụ vi phạm hành chính bị phát hiện; đã ban hành 105 quyết định xử phạt; thi hành xong 103 quyết định, với tổng số tiền là 132.250.000 đồng;

- Thuế: có 1.084 vụ vi phạm hành chính bị phát hiện; đã ban hành 1.084 quyết định xử phạt; thi hành xong 884 quyết định, với tổng số tiền thu được là 47.026.517.000 đồng.

*b) Các lĩnh vực vi phạm hành chính (Biểu số 02 kèm theo)*:

- Lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội: tổng số vụ vi phạm hành chính bị phát hiện là 68.167 vụ; đã ban hành 63.482 quyết định xử phạt; thi hành xong 59.423 quyết định, với tổng số tiền thu được là: 26.927.306.000 đồng;

- Lĩnh vực giao thông đường bộ: tổng số vụ vi phạm hành chính là 13.774 vụ; đã ban hành 13.794 quyết định xử phạt; thi hành xong 13.597 quyết định, với tổng số tiền thu được là 13.824.600.000 đồng;

- Lĩnh vực thuế: tổng số vụ vi phạm hành chính là 1.087 vụ; đã ban hành 1.087 quyết định xử phạt; thi hành xong 886 quyết định, với tổng số tiền thu được là 47.026.517.000 đồng;

- Lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu: tổng số vụ vi phạm hành chính là 488 vụ; đã ban hành 408 quyết định xử phạt; thi hành xong 401 quyết định, với tổng số tiền thu được là 283.870.000 đồng;

- Lĩnh vực đất đai: tổng số vụ vi phạm hành chính là 355 vụ; đã ban hành 338 quyết định xử phạt; thi hành xong 294 quyết định, với tổng số tiền thu được là 259.750.000 đồng;

- Lĩnh vực quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, thủy sản: tổng số vụ vi phạm hành chính là 279 vụ; đã ban hành 355 quyết định xử phạt; thi hành xong 342 quyết định, với tổng số tiền thu được là 1.059.740.000 đồng;

- Lĩnh vực sở hữu công nghiệp: tổng số vụ vi phạm hành chính là 189 vụ; đã ban hành 186 quyết định xử phạt; thi hành xong 186 quyết định, với tổng số tiền thu được là: 599.750.000 đồng;

- Lĩnh vực an toàn thực phẩm: tổng số vụ vi phạm hành chính là 154 vụ; đã ban hành 118 quyết định xử phạt; thi hành xong 107 quyết định, với tổng số tiền thu được là: 155.050.000 đồng...

***Tóm lại:*** Từ khi Luật xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành, công tác xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh được thực hiện nghiêm

túc, đúng theo quy định của pháp luật. Các trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện, lập biên bản kịp thời và xử lý đúng đối tượng, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục quy định, góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức và cá nhân, có tác dụng giáo dục, răn đe đối với các đối tượng có hành vi vi phạm hành chính, đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương. Bên cạnh một số kết quả đạt được nêu trên thì công tác xử lý vi phạm hành chính, cưỡng chế hành chính ở một số sở, ngành và UBND cấp huyện cũng còn một số hạn chế, yếu kém, chưa thực hiện thật sự triệt để, còn bỏ sót hành vi vi phạm, chưa tuân thủ các quy định pháp luật như: hành vi vi phạm đủ yếu tố xử lý vi phạm hành chính nhưng cơ quan xử lý chỉ nhắc nhở; áp dụng các điều, khoản của pháp luật không đúng với hành vi vi phạm; thời hạn xử phạt chưa đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; thực hiện quyết định cưỡng chế chưa nghiêm túc (còn e dè, chưa kiên quyết trong việc cưỡng chế); việc áp dụng thủ tục xử lý vi phạm hành chính chưa đảm bảo và một số lỗi sai sót về kỹ thuật như: ghi chép các biểu mẫu xử phạt chưa đúng quy định, áp dụng mức xử phạt trong một số trường hợp chưa đúng với hành vi vi phạm, nội dung viện dẫn văn bản pháp luật làm căn cứ để xử phạt chưa chính xác.

Tuy nhiên, hiện nay còn những trường hợp chưa chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (4.355 quyết định chưa chấp hành), nguyên nhân là do ý thức chấp hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính của đối tượng bị xử phạt còn thấp; một số cơ quan, địa phương chưa kiên quyết trong việc thực hiện các biện pháp để đảm bảo thi hành quyết định xử phạt; một số trường hợp người lao động tự do, thu nhập thấp, có hoàn cảnh khó khăn không có điều kiện nộp phạt và không có nơi cư trú ổn định.

**3. Khó khăn, vướng mắc**

*a) Những khó khăn, vướng mắc chung:*

- Tại Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: "*Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính*" thời gian quy định như vậy là quá ngắn đối với các trường hợp phức tạp cần có thời gian điều tra, xác minh làm rõ, gây khó khăn cho việc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Tại Điều 126 của Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: "*Đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp. Trong trường hợp này, cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp số tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước...*" trong thực tế tại địa phương khó áp dụng đối với người vi phạm có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có đủ tiền tương đương với phương tiện, tang vật để nộp phạt, do vậy quyết định xử

phạt vi phạm hành chính khó thực thi; một số lĩnh vực xử phạt mức phạt tiền quá cao, nhất là trong lĩnh vực trật tự quản lý kinh tế nên các đối tượng vi phạm không có khả năng thi hành quyết định hoặc cưỡng chế thi hành quyết định.

- Theo quy định tại khoản 3 của các Điều 100, 102 và 104 Luật Xử lý vi phạm hành chính, thì hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp hành chính *"...phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định"*, tuy nhiên hiện nay chưa có hướng dẫn về nội dung này nên chưa thể khắc dấu bút lục để thực hiện.

- Khoản 1 Điều 122 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định *"Việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác"*, tuy nhiên trong thực tế nhiều trường hợp đối tượng có hành vi vi phạm khác như trộm cắp tài sản, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác...thì cần có thời gian để xác minh, làm rõ hành vi của đối tượng nhất là nhân thân để tránh bỏ lọt tội phạm, nhưng đối tượng không có nơi cư trú ổn định, nếu không tạm giữ hành chính để xác minh, đối tượng sẽ bỏ trốn, gây khó khăn cho công tác xử lý.

- Trong thực tiễn áp dụng Nghị định số 81/2013/NĐ-CP vẫn còn nhiều điểm bất cập, một số quy định về biểu mẫu kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP không phù hợp với thể thức văn bản hành chính quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV của Bộ Nội vụ, đã gây lúng túng cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện, dẫn đến việc mỗi địa phương áp dụng theo một cách khác nhau. Bên cạnh đó, nhiều đơn vị, địa phương gặp vướng mắc trong trường hợp cùng một vụ vi phạm mà cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính, thì người có thẩm quyền không biết áp dụng mẫu biên bản vi phạm hành chính chung theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP hay phải lập biên bản riêng theo các hướng dẫn chuyên ngành đối với từng hành vi vi phạm.

- Hiện nay, chưa ban hành Nghị định mới để thay thế Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên thực tế xảy ra nhiều, các cơ quan, đơn vị có chức năng ra quyết định xử phạt hành chính nhưng người vi phạm không chấp hành do nhiều nguyên nhân như: Chủ cơ sở ngừng kinh doanh, một số người vi phạm hành chính có hoàn cảnh khó khăn, buôn bán dạo, thu nhập thấp và không ổn định. Bên cạnh đó, việc tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gặp nhiều khó khăn, chi phí tổ chức lực lượng cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt lớn hơn nhiều lần so với mức tiền phạt.

*b) Những khó khăn, vướng mắc trong từng lĩnh vực cụ thể:*

- Theo Nghị định số 75/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa thì hình thức xử phạt bổ sung gồm tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm và giấy phép kinh doanh không thời hạn, nhưng Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014 thì các chế tài này không còn; do vậy, nhiều cơ sở kinh doanh còn xem nhẹ việc chấp hành các quy định của pháp luật về lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.

- Tại Điều 25 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định cùng số lượng thuốc lá điếu nhập lậu nhưng có tới ba mức phạt tiền khác nhau, cụ thể: "*h) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp hàng cấm là thuốc lá điếu nhập lậu có số lượng từ 600 bao đến dưới 800 bao; i) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp hàng cấm là thuốc lá điếu nhập lậu có số lượng từ 600 bao đến dưới 1.000 bao; k) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp hàng cấm là thuốc lá điếu nhập lậu có số lượng từ 600 bao đến dưới 1.000 bao*", nên khi áp dụng ở địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc ra quyết định xử phạt.

- Trong lĩnh vực giao thông đường bộ: việc tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh hiện nay rất nhiều, nhưng các điều kiện về kho, bến bãi để tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính ở địa phương không đáp ứng.

Đối với trường hợp tước giấy phép lái xe của người vi phạm từ ngày ra quyết định, trong thực tế có những trường hợp khi kiểm tra xử lý vi phạm hành chính thì giấy phép lái xe của người vi phạm đã bị cơ quan khác có thẩm quyền xử phạt trước đó lập biên bản tạm giữ giấy phép lái xe (thời gian hẹn xử lý trong biên bản còn hiệu lực). Vì vậy, khi ra quyết định tước giấy phép lái xe của người vi phạm thì không có giấy phép lái xe để tước, nên các địa phương đang gặp khó khăn trong công tác xử lý theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Bên cạnh đó, các quy định giữa Luật Giao thông đường bộ, Luật Đất đai và Luật Xây dựng thiếu tính thống nhất, chồng chéo trong việc quản lý giao đất và cho phép xây dựng công trình trong đất hành lang an toàn giao thông đường bộ nên tạo ra nhiều sơ hở. Trong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các cơ quan chưa quy định rõ chỉ giới của từng loại đất gây khó khăn cho việc xử lý vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ.

- Trong lĩnh vực thi hành án dân sự: Theo quy định tại Điều 49 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 68 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ thì chấp hành viên thi hành án dân sự đang thi hành

công vụ có quyền: Phạt cảnh cáo; Phạt tiền đến 500.000 đồng; trong khi đó, các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động thi hành án dân sự được quy định tại Điều 52 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP thì mức xử phạt thấp nhất là cảnh cáo và khung xử phạt thấp nhất bằng tiền là từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân có hành vi vi phạm hành chính (đối với tổ chức là gấp đôi). Đồng thời, việc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể (Điều 52 Luật Xử lý vi phạm hành chính), theo các quy định trên thì chấp hành viên thi hành án dân sự đang thi hành công vụ chỉ được xử phạt vi phạm hành chính đối với một hành vi vi phạm duy nhất là "*đã nhận giấy báo, giấy triệu tập lần thứ hai của người có thẩm quyền thi hành án nhưng không đến địa điểm ghi trong giấy báo, giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng*" và hình thức xử phạt là phạt cảnh cáo (khoản 1, Điều 52 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP). Như vậy, về quy định của pháp luật, thì chấp hành viên được phạt tiền đến 500.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thi hành án dân sự, nhưng thực tế thì chấp hành viên thi hành án dân sự đang thi hành công vụ không được quyền phạt tiền (vì vượt quá thẩm quyền), mà chỉ được phạt cảnh cáo.

**4. Kiến nghị, đề xuất những chủ trương, giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác xử phạt vi phạm hành chính, góp phần giảm thiểu và ngăn ngừa các vi phạm hành chính**

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu về công tác xử phạt vi phạm hành chính, nhằm trang bị kiến thức quản lý nhà nước và kỹ năng xử lý vi phạm hành chính cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia công tác xử lý vi phạm hành chính.

- Ban hành và hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính nói riêng để làm căn cứ triển khai thực hiện một cách đồng bộ và hiệu quả. Hướng dẫn xử phạt đối với trường hợp các cơ sở sản xuất, kinh doanh; cửa hàng có quy mô lớn (nhưng không thành lập doanh nghiệp hoặc công ty) khi vi phạm hành chính thì áp dụng mức xử phạt như đối với cá nhân hay là tổ chức. Bởi vì, hiện nay chưa có cơ sở pháp lý để xác định các đối tượng này là tổ chức để áp dụng mức hình phạt đối với tổ chức.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện, hướng dẫn và xử lý đối với các trường hợp vi phạm, không để phát sinh khiếu nại, tố cáo trong công tác xử lý vi phạm hành chính.

- Bổ sung biên chế, tăng cường cơ sở vật chất, kinh phí, trang thiết bị phục vụ công tác xử lý vi phạm hành chính, nhằm tạo điều kiện cho các địa phương thực hiện tốt công tác này.

## III. TÌNH HÌNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

**1. Kết quả áp dụng các biện pháp xử lý hành chính**

Thời gian qua, việc áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính đã góp phần quan trọng trong công tác phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý Nhà nước, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của địa phương. Công tác lập hồ sơ, xét duyệt, quyết định áp dụng các biện pháp giáo dục tại xã, phường nói riêng và các biện pháp xử lý hành chính nói chung trên địa bàn tỉnh đảm bảo thực hiện đúng đối tượng, đúng pháp luật, kịp thời đưa đối tượng chấp hành quyết định, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về an ninh trật tự của chính quyền cơ sở và nhận được sự đồng tình của cộng đồng, quần chúng nhân dân cũng như người bị xử lý và thân nhân, gia đình của đối tượng. Cụ thể: toàn tỉnh có 270 đối tượng bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, trong đó có 214 hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; 56 hồ sơ do Tòa án nhân dân đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính.

- Tổng số quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính được ban hành là 202 quyết định, gồm có 165 quyết định của UBND cấp xã và 37 quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện.

- Áp dụng các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là 154 quyết định; áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên 10 quyết định; đưa vào trường giáo dưỡng là 15 quyết định; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 17 quyết định; đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 5 quyết định.

*(Có biểu mẫu số 03 kèm theo)*

**2. Khó khăn, vướng mắc**

Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về đưa đối tượng vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, giáo dục tại xã, phường, thị trấn còn chưa rõ ràng, cụ thể dẫn đến các địa phương khó triển khai thực hiện, cụ thể:

- Tại Điều 94 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 111/2013/NĐ-CP quy định về điều kiện áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn chưa thống nhất, khó áp dụng trong thực tiễn, như tại điểm b, khoản 1, Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định "*...trường hợp xác định được nơi cư trú thì có trách nhiệm chuyển người đó kèm theo biên bản vi phạm về địa phương để xử lý...*", tuy nhiên, trong thực tiễn nơi người nghiện ma túy cư trú cách xa nơi người đó vi phạm thì việc chuyển từ nơi vi phạm đến nơi cư trú sẽ mất nhiều thời gian và phải bố trí lực lượng, kinh phí để thực hiện.

- Các Bộ, ngành Trung ương chậm ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số văn bản quy phạm pháp luật như: Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn; Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Nghị định số 02/2014/NĐ-CP ngày 10/01/2014 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng, thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc ban hành chậm, nên việc áp dụng trong thực tiễn tại địa phương còn lúng túng.

- Theo quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc "*Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp của Hội đồng, Giám đốc cơ sở cai nghiện, bắt buộc lập hồ sơ đề nghị gửi Tóa án nhân dân cấp huyện nơi cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở xem xét, quyết định*", việc quy định như vậy chồng chéo, mâu thuẫn với khoản 14 Điều 1 Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ về chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh quy định "*Trong thời gian chấp hành quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh, Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội xem xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tạm đình chỉ, giảm thời hạn, hoặc miễn chấp hành quyết định...*".

- Tại Điều 14 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định giao cho tổ chức xã hội quản lý người không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tuy nhiên, trên địa bàn các xã, phường, thị trấn hiện nay không có lực lượng cũng như cơ sở vật chất phục vụ cho công tác này.

- Công tác quản lý người bán dâm tái hòa nhập cộng đồng thời gian qua không quản lý được do người bán dâm sau khi bị xử phạt vi phạm hành chính đã chuyển đổi địa bàn khác để hoạt động. Việc truy tố gặp khó khăn vì sau khi người bán dâm bị xử phạt hành chính và cho tái hòa nhập cộng đồng, do đó không triệu tập lại được người bán dâm để đối chất với chủ chứa nhằm củng cố hồ sơ đưa ra truy tố xét xử.

- Luật Phòng chống ma túy quy định người chưa thành niên nghiện ma túy thì đưa vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội; tuy nhiên, Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 221/2013/NĐ-CP của Chính phủ không đề cập đến đối tượng này và hiện tại

chưa có Thông tư hướng dẫn. Do vậy, địa phương đang gặp khó khăn trong tổ chức thực hiện.

- Trong quá trình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính còn một số tồn tại, hạn chế, chưa có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương như: các quyết định xử phạt vi phạm hành chính không gửi cho cơ quan tư pháp để theo dõi tổng hợp; báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa nêu được những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất nên cơ quan tư pháp khó tổng hợp, tham mưu đề xuất với UBND các cấp các biện pháp giải quyết. Đối với các trường hợp cai nghiện bắt buộc thì trình tự, thủ tục chuyển hồ sơ sang Tòa án nhân dân cấp huyện ra quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính còn chậm vì chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể dẫn đến tình trạng người nghiện ma túy còn chưa được đưa vào các cơ sở cai nghiện bắt buộc làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự ở địa phương.

**3. Một số vấn đề khác**

Về kinh phí và các điều kiện, phương tiện đảm bảo hoạt động cho việc quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính, đây là yếu tố có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo hiệu quả, chất lượng công việc trong quá trình tổ chức thực hiện như: kinh phí đảm bảo cho việc triển khai thực hiện, đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc, xây dựng cơ sở dữ liệu công tác xử lý vi phạm hành chính, xây dựng hồ sơ lưu trữ, kho lưu trữ... Các trang thiết bị bảo đảm thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (thiết bị ghi hình, máy đo nồng độ, máy vi tính ...) đã được cấp, trang bị từ những năm trước đây, nhưng đến nay đa số trang thiết bị đã xuống cấp cần phải được trang bị, nâng cấp mới để phục vụ công việc. Tuy nhiên, hiện nay các Bộ, ngành Trung ương chưa có hướng dẫn quy định cụ thể về mức chi, nội dung chi, nguồn kinh phí đảm bảo nên trong quá trình tổ chức thực hiện các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

**IV. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**1. Những khó khăn, vướng mắc**

*a) Về thể chế:*

- Luật Xử lý vi phạm hành chính có những nội dung phức tạp, nhiều điểm mới so với Pháp lệnh; các hành vi vi phạm lại đa dạng, liên quan đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, nhiều hành vi vi phạm hành chính chưa được mô tả cụ thể; phát sinh nhiều hành vi vi phạm mới nhưng Luật xử lý vi phạm hành chính không điều chỉnh việc quy định hình thức xử phạt, đặc biệt là phạt tiền đối với một số hành vi chưa hợp lý; một số lĩnh vực quản lý nhà nước như an toàn thực phẩm; sở hữu trí tuệ chưa có quy định về mức phạt tối đa…

- Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong nhiều Nghị định chưa phân rõ theo từng hành vi của các chức danh mà chủ yếu quy định lại nội dung của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Công tác xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính chưa được kịp thời. Do vậy, đã tạo ra "khoảng trống" trong quá trình triển khai thi hành; hiện nay, chưa ban hành Nghị định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai để thay thế Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009.

- Theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì UBND cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa phương, chỉ đạo các sở, ban, ngành cung cấp thông tin để phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính. Hiện nay, chưa có hướng dẫn việc xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính ở địa phương, do vậy cơ chế về chia sẻ và cung cấp thông tin các đối tượng vi phạm hành chính chưa có, nên rất khó xác định đối với những trường hợp vi phạm hành chính nhiều lần, tái phạm để được xem là tình tiết tăng nặng trong xử lý vi phạm hành chính.

*b) Về các điều kiện đảm bảo thi hành:*

- Theo quy định tại Nghị định số 81/2013/NĐ-CP thì Chính phủ đã giao cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm giúp UBND cùng cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính và Quyết định số 1950/QĐ-TTg đã quy định cụ thể giải pháp kiện toàn tổ chức các cơ quan tư pháp địa phương để giúp UBND các cấp thực hiện quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính *"Đối với Sở Tư pháp các tỉnh chưa thành lập Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính thì Sở Tư pháp phân công nhiệm vụ quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính cho phòng chuyên môn thích hợp thuộc Sở trên tinh thần bổ sung từ 3 - 5 biên chế chuyên trách để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ. Căn cứ vào yêu cầu và khối lượng công việc quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ sung biên chế cho Phòng Tư pháp cấp huyện, bảo đảm mỗi Phòng Tư pháp ít nhất 1 biên chế chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn theo quy định của pháp luật"*. Tuy nhiên, cho đến nay Bộ Nội vụ không bổ sung biên chế để bố trí cho Sở Tư pháp, vì vậy Sở Tư pháp vẫn chưa có biên chế chuyên trách để làm công tác xử lý vi phạm hành chính (nhiệm vụ này được giao cho Phòng Văn bản pháp quy thực hiện). Đối với các sở, ngành nhiệm vụ theo dõi công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính giao cho Phòng Pháp chế phụ trách.

Đối với cấp huyện, hầu hết các huyện, thành phố chưa bố trí công chức chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý

vi phạm hành chính cho phòng tư pháp, mà chỉ giao công chức của phòng tư pháp thực hiện kiêm nhiệm. Đối với cấp xã thì giao công chức Tư pháp - Hộ tịch kiêm nhiệm dẫn đến công tác này hiệu quả chưa cao.

- Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính là nhiệm vụ mới, rất phức tạp, do vậy các đơn vị, địa phương chưa chủ động để triển khai thực hiện nhiệm vụ, mà chủ yếu là thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của cơ quan cấp trên. Trong khi đó, việc triển khai thực hiện các nội dung quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính chưa có tiền lệ, bài học để rút kinh nghiệm. Vì vậy, trong điều kiện chưa có chỉ đạo nhất quán của các cơ quan cấp trên thì việc triển khai nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính rất khó thực hiện một cách đồng bộ và có hiệu quả ở địa phương.

- Nhận thức về vai trò và ý nghĩa của công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính chưa sâu sắc, vẫn còn Thủ trưởng các sở, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chưa nhận thức được vai trò quan trọng của nhiệm vụ này, nên chưa có sự quan tâm, đầu tư đúng mức. Bên cạnh đó, xử lý vi phạm hành chính là lĩnh vực phức tạp nên kinh nghiệm và hiểu biết của một số cán bộ, công chức làm công tác này còn hạn chế. Do vậy, một trong những thách thức lớn hiện nay trong việc thực hiện thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh đó là công tác đào tạo và nâng cao năng lực, trình độ, kỹ năng của đội ngũ cán bộ, công chức làm nhiệm vụ xử lý vi phạm hành chính.

**2. Kiến nghị, đề xuất**

- Có văn bản hướng dẫn Tòa án nhân dân các địa phương trong việc ban hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính theo đúng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20/01/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

- Cần quan tâm hơn nữa trong việc cung cấp trang thiết bị, phương tiện, kinh phí phục vụ công tác thực thi pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

- Tổ chức các lớp tập huấn triển khai thi hành văn bản mới ban hành trên lĩnh vực an ninh trật tự, trong đó mở rộng các đối tượng tham gia để nâng cao hiểu biết về pháp luật cho lực lượng cán bộ trực tiếp thực thi pháp luật. Đầu tư, xây dựng thêm một số công trình phục vụ cho công tác quản lý giam, giữ tại Công an cấp huyện.

- Đề nghị các Bộ, ngành có liên quan khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nói riêng phục vụ công tác xử lý vi phạm hành chính trên phạm vi cả nước. Cụ thể: khẩn trương ban hành Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Thông tư hướng dẫn về xây dựng biểu mẫu thống kê, báo cáo, hướng dẫn

về công tác tích hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu vi phạm hành chính cấp tỉnh và quốc gia; công tác quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 7 và khoản 9 Điều 26 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP; Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; các quy định về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân...

- Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước làm công tác xử lý vi phạm hành chính tại các đơn vị, địa phương; các điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ này, nhất là về biên chế.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia và hướng dẫn địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính để thực hiện thống nhất trên cả nước.

Trên đây là báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2014 trên địa bàn tỉnh. Kính báo cáo Bộ Tư pháp theo dõi, tổng hợp./.

***Nơi nhận:***
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tư pháp (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành: Tư pháp, Nội vụ, Công an tỉnh;
- VPUB: CVP, CBTH;
- Lưu: VT, $NC_{lmc595}$.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

**Lê Viết Chữ**

Mẫu số 01

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

*(Kèm theo Báo cáo số 269 /BC-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh)*

| STT | Cơ quan có thẩm quyền xử phạt | Số vụ vi phạm | | | | | | | Quyết định xử phạt | | | | | | | | Số vụ | | Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng | Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn | Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn | Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu | Tổng số tiền phạt thu được |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng số vụ vi phạm | Đã ra Quyết định xử phạt | Đối tượng bị xử phạt | | Chuyển xử lý bằng hình thức khác | | Chưa xử phạt | Đã thi hành xong | Hoãn thi hành | Giảm tiền phạt | Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN | Miễn thi hành | Chưa thi hành | Đình chỉ thi hành | Cưỡng chế thi hành | Khiếu nại | Khởi kiện | | | | | |
| | | | | Cá nhân | Tổ chức | Truy cứu TNHS | Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
| I | **Chủ tịch Ủy ban nhân dân** | **3,944** | **3,821** | **3,790** | **36** | **3** | **65** | **140** | **3,668** | **8** | **0** | **0** | **2** | **142** | **0** | **1** | **1** | **1** | **223** | **11** | **6** | **0** | **3,701,975,000** |
| 1 | Chủ tịch UBND tỉnh | 13 | 13 | 4 | 9 | | | | 12 | 1 | | | | | | | | | | | | | 807,000,000 |
| 2 | Chủ tịch UBND cấp huyện | 170 | 145 | 123 | 24 | | 3 | 23 | 113 | 1 | | | | 31 | | | | | 16 | 2 | 6 | | 447,600,000 |
| 3 | Chủ tịch UBND cấp xã | 3,761 | 3,663 | 3,663 | 3 | 3 | 62 | 117 | 3,543 | 6 | | | 2 | 111 | | 1 | 1 | 1 | 207 | 9 | | | 2,447,375,000 |
| II | **Công an nhân dân** | **77,579** | **72,746** | **73,080** | **206** | **86** | **236** | **4,918** | **68,677** | **11** | **159** | **0** | **2** | **3,897** | **0** | **0** | **13** | **1** | **114** | **5,617** | **0** | **3,500,000,000** | **34,143,911,000** |
| 1 | Công an tỉnh | 66,430 | 61,875 | 61,758 | 117 | 21 | 229 | 4,555 | 57,966 | | 100 | | | 3,809 | | | | | | 4055 | | 3,405,218,000 | 24,896,102,000 |
| 2 | Công an huyện | 10,482 | 10,212 | 10,631 | 85 | 61 | 3 | 319 | 10,100 | 10 | 59 | | | 43 | | | | | 82 | 1,347 | | 80,782,000 | 8,899,609,000 |
| 3 | Công an xã | 667 | 659 | 691 | 4 | 4 | 4 | 44 | 611 | 1 | | | 2 | 45 | | | 13 | 1 | 32 | 215 | | 14,000,000 | 348,200,000 |
| III | **Bộ đội biên phòng** | **95** | **106** | **106** | | | | | **106** | | | | | | | | | | | | | | **478,600,000** |
| IV | **Hải quan** | **82** | **82** | **0** | **82** | **0** | **0** | **0** | **82** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **746,652,000** |
| 1 | Cục Hải quan | 11 | 11 | | 11 | | | | 11 | | | | | | | | | | | | | | 593,378,000 |
| 2 | Chi cục | 69 | 69 | | 69 | | | | 69 | | | | | | | | | | | | | | 150,274,000 |
| 3 | Đội | 2 | 2 | | 2 | | | | 2 | | | | | | | | | | | | | | 3,000,000 |
| V | **Quản lý thị trường** | **621** | **448** | **375** | **212** | **0** | **0** | **173** | **448** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **1** | **0** | **196** | **0** | **0** | **0** | **1,914,775,000** |
| 1 | Đội | 611 | 438 | 371 | 206 | | | 173 | 438 | | | | | | | | 1 | | 195 | | | | 1,693,775,000 |
| 2 | Chi cục | 10 | 10 | 4 | 6 | | | | 10 | | 0 | | | | | | | | 1 | | | | 221,000,000 |
| VI | **Thanh tra** | **1,879** | **2,122** | **1,922** | **200** | **0** | **0** | **35** | **1,998** | **9** | **0** | **0** | **0** | **113** | **0** | **2** | **0** | **0** | **5** | **591** | **80** | **0** | **5,532,040,000** |

**Mẫu số 01**

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Thanh tra Sở | 1,726 | 1,969 | 1,806 | 163 | | | 35 | 1,855 | 9 | | | | 103 | | 2 | | | 5 | 591 | 80 | | 5,273,675,000 |
| 2 | Chi cục trưởng | 153 | 153 | 116 | 37 | | | | 143 | | | | | 10 | | | | | | | | | 258,365,000 |
| **VII** | **Thi hành án dân sự** | **2** | **2** | **2** | **0** | **0** | **0** | **0** | **1** | **0** | **0** | **0** | **0** | **1** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **4,500,000** | **500,000** |
| 1 | Cục thi hành án dân sự tỉnh | 1 | 1 | 1 | | | | | 0 | | | | | 1 | | | | | | | | 4,000,000 | |
| 2 | Chi cục thi hành án dân sự huyện | 1 | 1 | 1 | | | | | 1 | | | | | 0 | | | | | | | | 500,000 | 500,000 |
| **VIII** | **Kiểm lâm** | **128** | **105** | **103** | **2** | **12** | **0** | **13** | **103** | **0** | **0** | **0** | **0** | **2** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **1,058,898,000** | **132,250,000** |
| 1 | Hạt Kiểm lâm | 128 | 105 | 35 | 2 | 12 | | 13 | 103 | | | | | 2 | | | | | | | | 1,058,898,000 | 132,250,000 |
| **IX** | **Thuế** | **1,084** | **1,084** | **2** | **1,082** | **0** | **0** | **0** | **884** | **0** | **0** | **0** | **0** | **200** | **0** | **0** | **1** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **47,026,517,000** |
| 1 | Cục thuế | 944 | 944 | | 944 | | | | 804 | | | | | 140 | | | 1 | | | | | | 45,838,000,000 |
| 2 | Chi cục | 140 | 140 | 2 | 138 | | | | 80 | | | | | 60 | | | | | | | | | 1,188,517,000 |
| | **Tổng cộng:** | **85,414** | **80,516** | **79,380** | **1,820** | **101** | **301** | **5,279** | **75,967** | **28** | **159** | **0** | **4** | **4,355** | **0** | **3** | **16** | **2** | **538** | **6,219** | **86** | **4,563,398,000** | **93,677,220,000** |

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

*(Kèm theo Báo cáo số: 269 /BC-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh)*

| STT | Lĩnh vực quản lý nhà nước | Tổng số vụ vi phạm | Số vụ vi phạm | | | | | | Số lượng quyết định xử phạt | | | | | | | | Số vụ | | Số lượng các biện pháp khắc phục hậu quả đã được áp dụng | Số lượng GP, CCHN bị tước quyền sử dụng có thời hạn | Số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn | Tổng giá trị tang vật, phương tiện bị tịch thu | Tổng số tiền phạt thu được |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đã ra Quyết định xử phạt | Đối tượng bị xử phạt | | Chuyển xử lý bằng hình thức khác | | Chưa xử phạt | Đã thi hành xong | Hoãn thi hành | Giảm tiền phạt | Giảm thời hạn tước quyền sử dụng GP, CCHN | Miễn thi hành | Chưa thi hành | Đình chỉ thi hành | Cưỡng chế thi hành | Khiếu nại | Khởi kiện | | | | | |
| | | | | Cá nhân | Tổ chức | Truy cứu TNHS | Áp dụng biện pháp thay thế đối với NCTN | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
| 1 | An ninh, trật tự,an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội | 68,167 | 63,482 | 63,459 | 125 | 35 | 301 | 4,755 | 59,423 | 1 | 100 | | 4 | 3,954 | | | 14 | 1 | 66 | | | 3,787,882,000 | 26,927,306,000 |
| 2 | Giao thông đường bộ | 13,774 | 13,794 | 13,976 | 377 | 53 | | 227 | 13,597 | | 57 | | | 140 | | | | | 82 | 6,209 | 84 | 2,782,000 | 13,824,600,000 |
| 3 | Thuế | 1,087 | 1,087 | 2 | 1,085 | | | | 886 | | | | | 200 | | | 1 | | | | | | 47,026,517,000 |
| 4 | Quốc phòng, cơ yếu | 488 | 408 | 408 | | | | 80 | 401 | 2 | | | | 5 | | | | | 47 | | | | 283,870,000 |
| 5 | Đất đai | 355 | 338 | 338 | | | | 20 | 294 | 24 | 1 | | | 19 | | 1 | 1 | | 16 | | | | 259,750,000 |
| 6 | Quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Thủy sản | 279 | 355 | 367 | 8 | 13 | | 14 | 342 | 1 | | | | 11 | | 1 | | 1 | 120 | | | 748,234,000 | 1,059,740,000 |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | 234 | 154 | 125 | 29 | | | 57 | 154 | | | | | | | | | | 3 | 4 | | | 878,655,000 |
| 8 | Y tế | 122 | 83 | 82 | 1 | | | 39 | 83 | | | | | | | | | | | | | | 290,300,000 |
| 9 | Sở hữu công nghiệp | 189 | 186 | 158 | 28 | | | 3 | 186 | | | | | | | | | | 186 | | | | 599,750,000 |
| 10 | An toàn thực phẩm | 154 | 118 | 88 | 30 | | | 20 | 107 | | 1 | | | 10 | | | | | 12 | | | | 155,050,000 |
| 11 | Hoạt động xây dựng | 139 | 139 | 138 | 1 | | | | 138 | | | | | 1 | | | | | | | | | |
| 12 | Dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng | 90 | 50 | 20 | 30 | | | 40 | 49 | | | | | 1 | | | | | 5 | | | | 1,057,500,000 |
| 13 | Hải quan | 82 | 82 | | 82 | | | | 82 | | | | | | | | | | | | | | 746,652,000 |
| 14 | Giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật | 62 | 62 | 55 | 7 | | | | 62 | | | | | | | | | | 1 | | | | 142,130,000 |
| 15 | Thi hành án dân sự, hôn nhân và gia đình, bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp | 50 | 50 | 50 | | | | | 49 | | | | | 1 | | | | | | | | 4,500,000 | 53,700,000 |
| 16 | Thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi | 36 | 23 | 23 | | | | 13 | 23 | | | | | | | | | | | | | | 34,200,000 |
| 17 | Môi trường | 22 | 19 | 18 | 4 | | | 3 | 11 | | | | | 8 | | | | | | | | | 107,950,000 |
| 18 | Tài nguyên nước và khoáng sản | 19 | 19 | 18 | 1 | | | | 19 | | | | | | | | | | | | | | 69,000,000 |
| 19 | Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia | 17 | 21 | 21 | | | | | 21 | | | | | | | | | | | | | | 59,250,000 |
| 20 | Văn hóa | 17 | 17 | 17 | | | | | 15 | | | | | 2 | | | | | | 6 | | 20,000,000 | 50,800,000 |
| 21 | Tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng | 15 | 7 | 2 | 5 | | | 8 | 7 | | | | | | | | | | | | | | 14,600,000 |
| 22 | Lao động, bảo hiểm xã hội | 5 | 5 | | 5 | | | | 1 | | | | | 3 | | 1 | | | | | | | 2,000,000 |

**Mẫu số 02**

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 23 | Giao thông hàng hải, thủy nội địa | 5 | 11 | 11 | | | | | 11 | | | | | | | | | | | | | | 3,900,000 |
| 24 | Điện lực | 2 | 2 | 2 | | | | | 2 | | | | | | | | | | | | 2 | | 10,000,000 |
| 25 | Tần số vô tuyến điện | 2 | 2 | | 2 | | | | 2 | | | | | | | | | | | | | | 6,500,000 |
| 26 | Khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi đê điều, phòng, chống lụt | 1 | 1 | 1 | | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | 3,500,000 |
| 27 | Báo chí | 1 | 1 | 1 | | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | 10,000,000 |
| | **Tổng cộng:** | **85,414** | **80,516** | **79,380** | **1,820** | **101** | **301** | **5,279** | **75,967** | **28** | **159** | **0** | **4** | **4,355** | **0** | **3** | **16** | **2** | **538** | **6,219** | **86** | **4,563,398,000** | **93,677,220,000** |

Mẫu số 03

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

*(Kèm theo Báo cáo số: 269 /BC-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh)*

| STT | Tên cơ quan, đơn vị | Tổng số đối tượng bị đề nghị áp dụng các BPXLHC | Số lượng HS | | Tổng số Quyết định áp dụng các BPXLHC | Trong đó | | | | | | | | | | | | | | Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú chuyển về cơ sở y tế để điều trị | | | Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú là NCTN, người ốm yếu không còn khả năng lao động được đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội | Số vụ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đề nghị áp dụng biện pháp GDXPTT | Đề nghị áp dụng các BPXLHC do TAND quyết định | | Tổng số Quyết định của UBND cấp xã | Số lượng QĐ | | | Tổng số Quyết định của TAND cấp huyện | Số lượng QĐ | | | | Số lượng đối tượng | | | | | TGD | CSGDBB | CSCNBB | | Khiếu nại | Khởi kiện |
| | | | | | | | Áp dụng biện pháp GDXPTT | Áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình đối với NCTN | Chưa được thi hành | | Đưa vào TGD | Đưa vào CSGDBB | Đưa vào CSCNBB | Chưa được thi hành | Đang chấp hành Quyết định | Được giảm thời hạn chấp hành Quyết định | Tạm đình chỉ chấp hành Quyết định | Được miễn chấp hành phần thời gian còn lại | Được hoãn chấp hành Quyết định | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 |
| I | Công an | 109 | 76 | 33 | 57 | 41 | 34 | 7 | 0 | 16 | 10 | 6 | 0 | 1 | 29 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1 | Công an tỉnh | 86 | 55 | 31 | 36 | 22 | 15 | 7 | | 14 | 8 | 6 | | | 10 | | | | 4 | | | | | | |
| 2 | Công an huyện Ba Tơ | 18 | 18 | | 18 | 18 | 18 | | | 0 | | | | | 18 | | | | | | | | | | |

Mẫu số 03

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Công an huyện Nghĩa Hành | 5 | 3 | 2 | 3 | 1 | 1 | | | 2 | 2 | | | 1 | 1 | | | | | | | | | | | |
| **II** | **Huyện Sơn Tịnh** | **8** | **7** | **1** | **8** | **7** | **7** | | | **1** | | **1** | | | **8** | | | | | | | | | | | |
| **III** | **TP Quảng Ngãi** | **49** | **32** | **17** | **47** | **32** | **29** | **3** | **0** | **15** | **3** | **7** | **5** | **1** | **46** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 1 | Xã Tịnh An | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | | 0 | | | | | 2 | | | | | | | | | | | |
| 2 | Phường Nghĩa Chánh | 2 | 1 | 1 | 2 | 1 | 1 | | | 1 | | 1 | | | 2 | | | | | | | | | | | |
| 3 | Phường Lê Hồng Phong | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | | | 0 | | | | | 1 | | | | | | | | | | | |
| 4 | Phường Trần Hưng Đạo | 14 | 11 | 3 | 15 | 11 | 11 | | | 4 | 1 | 3 | | | 14 | | | | | | | | | | | |
| 5 | Phường Trần Phú | 5 | 5 | 0 | 5 | 5 | 5 | | | 0 | | | | | 5 | | | | | | | | | | | |
| 6 | Phường Nghĩa Lộ | 8 | 5 | 3 | 8 | 5 | 5 | | | 3 | 1 | 1 | 1 | | 8 | | | | | | | | | | | |
| 7 | Phường Chánh Lộ | 2 | 0 | 2 | 2 | 0 | | | | 2 | | | 2 | 1 | 1 | | | | | | | | | | | |
| 8 | Xã Nghĩa Dõng | 6 | 1 | 5 | 4 | 1 | | 1 | | 3 | | 1 | 2 | | 4 | | | | | | | | | | | |
| 9 | Xã Nghĩa Hà | 5 | 4 | 1 | 5 | 4 | 2 | 2 | | 1 | | 1 | | | 5 | | | | | | | | | | | |
| 10 | Xã Tịnh Hòa | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | | | 0 | | | | | 1 | | | | | | | | | | | |
| 11 | Xã Tịnh Kỳ | 1 | 0 | 1 | 1 | 0 | | | | 1 | 1 | | | | 1 | | | | | | | | | | | |
| 12 | Phường Trương Quang Trọng | 2 | 2 | 0 | 2 | 2 | 2 | | | 0 | | | | | 2 | | | | | | | | | | | |
| **IV** | **Huyện Lý Sơn** | **1** | **1** | **0** | **1** | **1** | **1** | | | **0** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Xã An Hải | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | | | 0 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **V** | **Huyện Bình Sơn** | **1** | **0** | **1** | **1** | **0** | | | | **1** | | **1** | | | **1** | | | | | | | | | | | |
| **VI** | **Huyện Đức Phổ** | **62** | **62** | **0** | **48** | **48** | **47** | **0** | **1** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 1 | Xã Phổ Quang | 1 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | | | 0 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Xã Phổ Vinh | 4 | 4 | 0 | 4 | 4 | 4 | | | 0 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Xã Phổ Thạnh | 3 | 3 | 0 | 3 | 3 | 3 | | | 0 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Xã Phổ Khánh | 5 | 5 | 0 | 5 | 5 | 5 | | | 0 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | TT Đức Phổ | 5 | 5 | 0 | 5 | 5 | 5 | | | 0 | | | | | | | | | | | | | | | | |

Mẫu số 03

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Xã Phổ Ninh | 5 | 5 | 0 | 5 | 5 | 5 | | | 0 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Xã Phổ Nhơn | 34 | 34 | 0 | 20 | 20 | 19 | | 1 | 0 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Xã Phổ Hòa | 2 | 2 | 0 | 2 | 2 | 2 | | | 0 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Xã Phổ Minh | 3 | 3 | 0 | 3 | 3 | 3 | | | 0 | | | | | | | | | | | | | | | |
| **VII** | **Huyện Tư Nghĩa** | **36** | **32** | **4** | **36** | **32** | **32** | **0** | **0** | **4** | **2** | **2** | **0** | **0** | **13** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 1 | TT La Hà | 2 | 1 | 1 | 2 | 1 | 1 | | | 1 | 1 | | | | 2 | | | | | | | | | | |
| 2 | Xã Nghĩa Phương | 2 | 1 | 1 | 2 | 1 | 1 | | | 1 | | 1 | | | 2 | | | | | | | | | | |
| 3 | Xã Nghĩa Thắng | 3 | 3 | 0 | 3 | 3 | 3 | | | 0 | | | | | 3 | | | | | | | | | | |
| 4 | Xã Nghĩa Hòa | 23 | 23 | 0 | 23 | 23 | 23 | | | 0 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Xã Nghĩa Kỳ | 1 | 0 | 1 | 1 | 0 | | | | 1 | 1 | | | | 1 | | | | | | | | | | |
| 6 | Xã Nghĩa Mỹ | 4 | 4 | 0 | 4 | 4 | 4 | | | 0 | | | | | 4 | | | | | | | | | | |
| 7 | Xã Nghĩa Thương | 1 | 0 | 1 | 1 | 0 | | | | 1 | | 1 | | | 1 | | | | | | | | | | |
| **VIII** | **Huyện Sơn Tây** | **2** | **2** | **0** | **2** | **2** | **2** | | | **0** | **0** | | | | **2** | | | | | | | | | | |
| 1 | Xã Sơn Mùa | 2 | 2 | 0 | 2 | 2 | 2 | | | 0 | | | | | 2 | | | | | | | | | | |
| **IX** | **Huyện Nghĩa Hành** | **2** | **2** | **0** | **2** | **2** | **2** | | | **0** | | | | | **2** | | | | | | | | | | |
| | **Tổng cộng:** | **270** | **214** | **56** | **202** | **165** | **154** | **10** | **1** | **37** | **15** | **17** | **5** | **2** | **101** | **0** | **0** | **0** | **4** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |

Mẫu số 04

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

*(Kèm theo Báo cáo số: 269 /BC-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh)*

| STT | Tên cơ quan, đơn vị | Tổng số đối tượng bị đề nghị áp dụng các BPXLHC | Số lượng HS | | Tổng số Quyết định áp dụng các BPXLHC | Trong đó | | | | | | | | | | | | Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú chuyển về cơ sở y tế để điều trị | | Số lượng đối tượng không xác định được nơi cư trú là NCTN, người ốm yếu không còn khả năng lao động - được đưa vào CSBTXH | Số vụ | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đề nghị áp dụng biện pháp GDXPTT | Đề nghị áp dụng các BPXLHC do TAND quyết định | | Tổng số Quyết định của UBND cấp xã | Số lượng QĐ | | Tổng số Quyết định của TAND cấp huyện | Số lượng QĐ | | | Số lượng đối tượng | | | | | | | | Khiếu nại | Khởi kiện |
| | | | | | | | Áp dụng biện pháp GDXPTT | Áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình đối với NCTN | | Đưa vào TGD | Đưa vào CSGDBB | Chưa được thi hành | Đang chấp hành Quyết định | Được giảm thời hạn chấp hành Quyết định | Tạm đình chỉ chấp hành Quyết định | Được miễn chấp hành phần thời gian còn lại | Được hoãn chấp hành Quyết định | TGD | CSGDBB | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 |
| 1 | Công an tỉnh | 86 | 55 | 31 | 36 | 22 | 15 | 7 | | 14 | 8 | 6 | | | 10 | | | | 4 | | | |
| 2 | Công an huyện Ba Tơ | 18 | 18 | | 18 | 18 | 18 | | | 0 | | | | | 18 | | | | | | | |
| 3 | Công an huyện Nghĩa Hành | 5 | 3 | 2 | 3 | 1 | 1 | | | 2 | 2 | | | 1 | 1 | | | | | | | |
| | Tổng cộng: | 109 | 76 | 33 | 57 | 41 | 34 | 7 | 0 | 16 | 10 | 6 | 0 | 1 | 29 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 |